

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VINH TƯỜNG  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 31 tháng 7 năm 2020  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TƯỜNG, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Minh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Minh

Bà Lê Thị Tôn Thiết

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Tuấn Mạnh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vinh Tường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường tham gia phiên toà:**  
Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Hà Văn H1 (tức Hà Quang H1), sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2019 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị kết hôn với anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1) ngày 11/02/2000 trước khi cưới có tìm hiểu, cưới có đăng ký tại UBND xã V sau khi cưới chị về làm dâu và ở cùng với gia đình anh H1. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, trong quá trình chung sống do anh H1 hay chơi cờ bạc nợ nhiều sau đó không có tiền trả nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến tháng 12/2019 vợ chồng lại

mâu thuẫn nguyên nhân do anh H1 đòi bán nhà đất nên chị nói với anh H1 “nếu bán nhà đất thì vợ chồng sẽ ly hôn”, anh H1 đồng ý sau đó anh chị bán nhà đất và chia đôi mỗi người một nửa số tiền bán nhà đất. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó mỗi người một nơi, mẹ con chị đi ở nhờ nhà anh Nguyễn Văn B (anh trai chị), anh H1 đi ở nhờ nhà ông Toàn (hàng xóm) được thời gian ngắn sau đó anh H1 đi đâu chị không biết, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H1.

*Tại phiên toà bị đơn anh Hà Văn H1 vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 08/01/2020, biên bản hoà giải ngày 18/02/2020, ngày 20/4/2020 anh H1 trình bày:* Anh thừa nhận chị H trình bày đúng về điều kiện kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn kinh tế bị thua lỗ và đã sống ly thân từ tháng 12/2019, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Bà Lê Thị Ở mẹ anh H1 cho biết trong quá trình chung sống do anh H1 hay chơi cờ bạc, nợ nhiều sau đó không có tiền trả nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Bà và chị H khuyên anh nhiều lần nhưng anh không bỏ được việc chơi cờ bạc, bà đã phải bán nhà đất cho anh H1 tiền trả nợ cờ bạc. Anh H1 chị H có nhà đất nhưng đã bán năm 2019 và sống ly thân từ từ đó, nay bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H anh H1 thừa nhận có 02 con chung là cháu Hà Mạnh H2, sinh ngày 23/11/2000, cháu Hà Huyền T, sinh ngày 27/7/2007 hiện nay đang ở với chị H. Ly hôn chị H anh H1 thoả thuận để chị H nuôi cháu T, chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu H2 đã trưởng thành chị H anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H anh H1 thừa nhận có 01 ngôi nhà xây 02 tầng và khoảng 126m<sup>2</sup> đất ở, anh chị đã bán tháng 12/2019 được 840.000.000đ và chia mỗi người một nửa tiền bán nhà đất, ly hôn anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra có tài sản chị H anh H1 khai không thống nhất anh H1 khai: Năm 2009 vợ chồng đóng 01 chiếc tàu chở cát (xà lan), khoảng tháng 8/2014 chị H đã bán chiếc tàu được 800.000.000đ sau chị H đưa cho anh Hà Quang Trung (anh trai anh) 300.000.000đ để đầu tư mua xe ô tô làm ăn chung. Cuối năm 2014 do làm ăn không có lãi nên anh và anh Trung đã bán chiếc xe ô tô và anh Trung đưa cho chị H 250.000.000đ. Như vậy tiền bán tàu và bán xe ô tô tổng cộng 750.000.000đ chị H

cầm sử dụng vào việc gì anh không biết, ly hôn anh yêu cầu chị H trả cho anh 1/2 số tiền trên, anh không vay mượn tiền của ai để đóng tàu đó là tài sản chung của vợ chồng.

Chị H khai: Năm 2009 vợ chồng đóng 01 chiếc tàu (xà lan) để chở cát, khi đóng có vay của Công ty H Hải do anh Nguyễn Văn B (anh trai chị) làm giám đốc 300.000.000đ, sau do làm ăn thua lỗ nên năm 2014 chị bán chiếc tàu cho ông Nguyễn Ngọc K được 800.000.000đ. Chị trả nợ cho Công ty của anh Ba là 300.000.000đ, đưa cho anh T (anh trai anh H1) tiền để đầu tư mua xe ô tô làm ăn nhưng do làm ăn không được anh T đã bán xe ô tô và đưa cho chị bao nhiêu tiền chị không nhớ. Số tiền còn lại chị sử dụng trả nợ và chi tiêu vào việc chung của gia đình gồm hai vợ chồng và các con từ năm 2014 đến nay hết rồi không còn đồng nào nữa. Như vậy tài sản chung giữa chị và anh H1 hiện nay không có gì, vợ chồng chỉ có tài sản duy nhất là ngôi nhà 02 tầng và đất ở thì đã bán tháng 12/2019 chia nhau mỗi người một nửa tiền bán nhà đất, anh H1 hiện nay không có mặt ở địa phương đi làm ăn ở đâu chị không biết. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh H1 và việc giao nuôi con chung, còn về phần tài sản chung giữa chị và anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, đất canh tác, công sức: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1). Về con chung chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Hà Huyền T sinh ngày 27/7/2007 cho đến khi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng dân sự:* Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh H1 theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh H1 đã có bản tự khai, trình bày ý kiến tại biên bản hoà giải vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện Vĩnh Tường Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh H1.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000 chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Hà Văn H1 trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có hai con chung, quá trình chung sống do anh H1 chơi cờ bạc nợ nần nhiều không có tiền trả, mặt khác do vợ chồng làm ăn kinh tế bị thua lỗ nên xảy ra mâu thuẫn (bà Ôn mẹ anh H1 cũng thừa nhận) và đã sống ly thân từ tháng 12/2019, từ khi ly thân đến nay 2 bên không thăm hỏi quan tâm gì đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn, anh H1 nhất trí. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị H anh H1 có 02 con chung là cháu H2 và cháu T nay hai cháu đang ở với chị H, ly hôn anh chị thoả thuận chị H nuôi cháu T và nguyện vọng của cháu T xin được ở với chị H. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy giao cho chị H nuôi cháu T là phù hợp. Còn cháu H2 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị H anh H1 thừa nhận có 01 ngôi nhà 02 tầng trên khoảng 126m<sup>2</sup> đất ở, nhưng anh chị đã bán từ tháng 12/2019 được 840.000.000đ và chia mỗi người một nửa số tiền bán nhà đất, ly hôn anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình hoà giải và làm việc tại toà anh H1 yêu cầu chị H thanh toán cho anh 1/2 số tiền bán 01 chiếc tàu (xà lan) và tiền bán xe ô tô tổng cộng 750.000.000đ chị H không đồng ý vì, số tiền bán tàu chị trả nợ cho Công ty H Hải 300.000.000đ, số tiền còn lại chị đưa cho anh Trung (anh trai anh H1) để đầu tư mua xe ô tô làm ăn nhưng thua lỗ anh Trung trả lại chị sử dụng trả nợ, chi tiêu việc ăn học cho các con và công việc chung của gia đình từ năm 2014 đến nay không còn. Quá trình giải quyết Toà án đã báo gọi anh H1 nhiều lần đến để làm rõ số tiền bán tàu và bán xe ô tô nhưng anh H1 không đến làm việc. Mặt khác anh H1 cũng không có chứng cứ gì để chứng minh hiện số tiền trên còn và chị H đang quản lý. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản giữa chị và anh H1 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về tài sản riêng: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, đất canh tác, công sức: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1).

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Huyền T, sinh ngày 27/7/2007 cho đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Hà Văn H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004836 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Đỗ Thị Minh Bình**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .....giờ.....phút ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh

Bà Lê Thị Tôn Thiết

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1), sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**

## **QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1). Biểu quyết 3/3.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Huyền T, sinh ngày 27/7/2007 cho đến khi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Hà Văn H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị Nguyễn Thị H anh Hà Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004836 ngày 03/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn H1 (Hà Quang H1) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Bình**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TUỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .....giờ.....phút ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh

Bà Lê Thị Tôn Thiết

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 281/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc Hà, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Yên Nhiên, xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Bị đơn:* Chị Trương Lê Thị Lan, sinh năm 1989

Quê quán: Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Yên Nhiên, xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm c, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH 13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.

Xử: Cho anh Trần Ngọc Hà được ly hôn với chị Trương Lê Thị Lan. Biểu quyết 3/3.

Về con chung: Anh Trần Ngọc Hà tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Ngọc Thanh Mai sinh ngày 01/11/2010 và cháu Trần Đức Thịnh sinh ngày 07/10/2014 cho đến khi trưởng thành. Anh Trần Ngọc Hà không yêu cầu chị Lan phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác và công sức anh Trần Ngọc Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Ngọc Hà phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004772 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, anh Hà đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trương Lê Thị Lan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 33, 38, 51, 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 201, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Hiến và bà Đỗ Thị Lục.

Về con chung, con riêng: Ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục không yêu Tòa án giải quyết.

Xử về tài sản: Xác nhận ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục có khối tài sản chung gồm có 389,7m<sup>2</sup> đất trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 239,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác. Trên đất có 04 gian nhà xây cấp 4; 01 giếng khơi + 01 bể nước; 03 gian chuồng gà; 01 sân gạch + 01 cổng gỗ + tường bao loan; 03 cây na; 06 cây cau; 01 cây xoài; 01 cây bưởi; 02 cây sưa; 01 bộ bàn ghế sa lông nan; 01 chiếc tủ chè; 01 chiếc tủ để ti vi; 03 chiếc giường; 01 chiếc ti vi; 02 chiếc quạt cây tổng cộng trị giá là 257.832.000đồng.

Giao cho bà Đỗ Thị Lục quản lý, sử dụng 113,6m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 63,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác (trong đó có tường bao loan đất chia đến đâu thì tường bao loan đến đó), thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có 02 cây na, 03 cây cau, 01 cây sưa, 01 cây xoài tổng cộng là 80.516.000đ (tám mươi triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).

Phần diện tích đất giao cho bà Lục quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 3-4 giáp đường dân sinh dài 05m; cạnh 4-10 giáp đất của anh Dũng chị Huyền dài 23,74m; cạnh 10-12 giáp đất ông Nghệ dài 5,02m; cạnh 12-3 giáp đất của ông Hiến dài 22, 33m (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Nguyễn Văn Hiến quản lý, sử dụng 276,1m<sup>2</sup> đất trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 176,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác (trong đó có diện tích cổng, sân gạch, tường bao loan đất chia đến đâu thì sân gạch, tường bao loan và cổng đến đó), thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có 01 cây na, 03 cây cau, 01 cây bưởi, 01 cây sưa và sở hữu 04 gian nhà xây cấp 4; ba gian chuồng gà; 01 giếng khơi + 01 bể nước; 01 bộ bàn ghế sa lông nan; 01 chiếc tủ chè; 01 chiếc tủ để ti vi; 03 chiếc giường; 01 chiếc ti vi; 02 chiếc quạt cây tổng cộng trị giá là 177. 316.000đ (một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Hiến không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Đỗ Thị Lục.

Phần diện tích đất giao cho ông Hiến quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 14-1 giáp đất của ông Vang dài 20,12m; cạnh 14-12 giáp đất của ông Nghệ dài 11,92m; cạnh 12-3 giáp đất của bà Lục dài 22, 33m; cạnh 3-1 giáp đường dân sinh dài 14,46m (có sơ đồ kèm theo).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền. Công nhận vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền

được quản lý, sử dụng 204,2m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 154,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và được sở hữu 01 ngôi nhà xây 02 tầng, 01 sân gạch, cổng và công trình xây dựng khác (khu phụ) trị giá là 334.252.000đ (ba trăm ba mươi tư triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Phân diện tích đất vợ chồng anh Dũng chị Huyền quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 10-4 giáp đất của bà Lục dài 23,74m; cạnh 10-9 giáp đất của ông Nghệ dài 8,30m; cạnh 9-5 giáp đất của ông Giảng, ông H2 dài 26,32m; cạnh 5-4 giáp đường dân sinh dài 8,06m (có sơ đồ kèm theo).

Về công nợ, đất nông nghiệp: Ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Hiến không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí giá ngạch chia tài sản: Ông Nguyễn Văn Hiến và bà Đỗ Thị Lục không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí yêu cầu độc lập: Vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền 300.000đ án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002222 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh Tường;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**Đỗ Thị Minh Bình**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi .....giờ.....phút ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông PH2 Văn Thông

Bà Bùi Thị Thu Hiền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Hiến, sinh năm 1951

Địa chỉ: Tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hiến: Bà Phan Thị Kim Liên, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, phường Tích Sơn, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

*Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Lục, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1972

Chị Hoàng Thị Huyền, sinh năm 1974

Địa chỉ: Đều ở tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Quang H2, sinh năm 1952; ông Nguyễn Văn Tý, sinh năm 1957; anh Nguyễn Duy Hải, sinh năm 1996; địa chỉ: Đều ở tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

- Chị Nguyễn Thị Thu Hà, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Xuân Húc 2, xã Vân Xuân, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng các Điều 33, 38, 51, 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 201, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.



Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Hiến và bà Đỗ Thị Lục. Biểu quyết 3/3.

Về con chung, con riêng: Ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục không yêu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Xử về tài sản: Xác nhận ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục có khối tài sản chung gồm có 389,7m<sup>2</sup> đất trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 239,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác. Trên đất có 04 gian nhà xây cấp 4; 01 giếng khơi + 01 bể nước; 03 gian chuồng gà; 01 sân gạch + 01 cổng gỗ + tường bao loan; 03 cây na; 06 cây cau; 01 cây xoài; 01 cây bưởi; 02 cây sưa; 01 bộ bàn ghế sa lông nan; 01 chiếc tủ chè; 01 chiếc tủ để ti vi; 03 chiếc giường; 01 chiếc ti vi; 02 chiếc quạt cây tổng cộng trị giá là 257.832.000đồng. Biểu quyết 3/3.

Giao cho bà Đỗ Thị Lục quản lý, sử dụng 113,6m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 63,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác (trong đó có tường bao loan đất chia đến đâu thì tường bao loan đến đó), thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có 02 cây na, 03 cây cau, 01 cây sưa, 01 cây soài tổng cộng là 80.516.000đ (tám mươi triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng). Biểu quyết 3/3.

Phân diện tích đất giao cho bà Lục quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 3-4 giáp đường dân sinh dài 05m; cạnh 4-10 giáp đất của anh Dũng chị Huyền dài 23,74m; cạnh 10-12 giáp đất ông Nghệ dài 5,02m; cạnh 12-3 giáp đất của ông Hiến dài 22,33m (có sơ đồ kèm theo). Biểu quyết 3/3.

Giao cho ông Nguyễn Văn Hiến quản lý, sử dụng 276,1m<sup>2</sup> đất trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 176,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác (trong đó có diện tích cổng, sân gạch, tường bao loan đất chia đến đâu thì sân gạch, tường bao loan và cổng đến đó), thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có 01 cây na, 03 cây cau, 01 cây bưởi, 01 cây sưa và sở hữu 04 gian nhà xây cấp 4; ba gian chuồng gà; 01 giếng khơi + 01 bể nước; 01 bộ bàn ghế sa lông nan; 01 chiếc tủ chè; 01 chiếc tủ để ti vi; 03 chiếc giường; 01 chiếc ti vi; 02 chiếc quạt cây tổng cộng trị giá là 177.316.000đ (một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Hiến không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Đỗ Thị Lục. Biểu quyết 3/3.

Phân diện tích đất giao cho ông Hiến quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 14-1 giáp đất của ông Vang dài 20,12m; cạnh 14-12 giáp đất của

ông Nghệ dài 11,92m; cạnh 12-3 giáp đất của bà Lục dài 22, 33m; cạnh 3-1 giáp đường dân sinh dài 14,46m (có sơ đồ kèm theo). Biểu quyết 3/3.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền. Công nhận vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền được quản lý, sử dụng 204,2m<sup>2</sup> đất trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 154,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khác, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 52 tại tổ dân phố Yên Cát thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và được sở hữu 01 ngôi nhà xây 02 tầng, 01 sân gạch, cổng và công trình xây dựng khác (khu phụ) trị giá là 334.252.000đ (ba trăm ba mươi tư triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng). Biểu quyết 3/3.

Phần diện tích đất vợ chồng anh Dũng chị Huyền quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 10-4 giáp đất của bà Lục dài 23,74m; cạnh 10-9 giáp đất của ông Nghệ dài 8,30m; cạnh 9-5 giáp đất của ông Giảng, ông H2 dài 26, 32m; cạnh 5-4 giáp đường dân sinh dài 8,06m (có sơ đồ kèm theo). Biểu quyết 3/3.

Về công nợ, đất nông nghiệp: Ông Nguyễn Văn Hiến bà Đỗ Thị Lục không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Hiến không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Về án phí giá ngạch chia tài sản: Ông Nguyễn Văn Hiến và bà Đỗ Thị Lục không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Về án phí yêu cầu độc lập: Vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Dũng chị Hoàng Thị Huyền 300.000đ án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002222 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Biểu quyết 3/3.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự". Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**